

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2009

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn		336.183.338.394
1	Tiền		66.829.470.153
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác		
	- Chứng khoán tự doanh		7.127.314.589
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người uỷ thác đầu tư		191.000.000.000
	- Đầu tư ngắn hạn		
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn		(4.396.213.750)
3	Các khoản phải thu		73.528.181.201
4	Vật liệu, công cụ tồn kho		573.476.367
5	Tài sản ngắn hạn khác		1.521.109.834
II	Tài sản dài hạn		23.505.145.557
1	Tài sản cố định		18.164.692.614
	- Tài sản cố định hữu hình		12.724.304.513
	- Tài sản cố định thuê tài chính		0
	- Tài sản cố định vô hình		5.440.388.101
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		0
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		0
4	Tài sản dài hạn khác		5.340.452.943
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		359.688.483.951
IV	Nợ phải trả		59.605.174.765
1	Nợ ngắn hạn		59.605.174.765
2	Nợ dài hạn		0
VI	Nguồn vốn chủ sở hữu		300.083.309.186
1	Vốn góp ban đầu		300.000.000.000
2	Vốn bổ sung		4.165.459
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối		79.143.727
4	Vốn điều chỉnh		0
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		359.688.483.951

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	54.584.092.813	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	
3	Doanh thu thuần	54.584.092.813	

4	Thu lãi đầu tư	134.409.000	
5	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	54.718.501.813	
6	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	(14.716.668.787)	
7	Lợi nhuận gộp	40.001.833.026	
8	Chi phí quản lý	(39.846.963.924)	
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	154.869.102	
10	Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	13.709.596	
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	168.578.698	
12	Lợi nhuận tính thuế (Lợi nhuận trước thuế - lãi đầu tư)	304.533.972	
13	Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(85.269.512)	
14	Lợi nhuận sau thuế	83.309.186	
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (nếu có)		
16	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (nếu có)		

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%		6,535% 93,465%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%		16,571% 83,429%
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần		5,605 5,640
4	Tỷ suất lợi nhuận - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%		0,023% 0,152% 0,028%

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VINCOM
TỔNG GIÁM ĐỐC

Bạch Nguyễn Vũ